

BÀI 7: LUYỆN TẬP

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 14 000 ; 15 000 ; 16 000 ; ; ;

b) 48 600 ; 48 700 ; ; 48 900 ; ;

c) 76 870 ; 76 880 ; 76 890 ; ; ;

d) 75 697 ; 75 698 ; ; 75 700 ; ;

Bài 2: Viết số hoặc chữ thích hợp vào ô trống

Viết số	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số
853 201							
	7	3	0	1	3	0	
	6	2	1	0	1	0	
							bốn trăm nghìn ba trăm linh một

Bài 3: Nói

376 005

Tám trăm mười nghìn không trăm hai mươi mốt

407 310

Ba trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm linh năm

810 021

Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi

765 070

Bốn trăm linh bảy nghìn ba trăm mười

Bài 4: Viết bốn số có sáu chữ số, mỗi số:

a) Đều có sáu chữ số 1; 2; 3; 5; 8; 9:

.....

b) Đều có sáu chữ số 0; 1; 2; 3; 4; 5:

.....